

Bản án số: 127/2021/HS-ST

Ngày 09-11-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG S, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Lan Anh

2. Ông Nông Ngọc Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng S tham gia phiên tòa: Bà Dương Thu Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 119/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Vi Thị N, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1977 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu Đoàn K, thị trấn Đồng M, huyện Chi L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Quốc L, sinh năm 1927 (đã chết) và bà Trương Thị S, sinh năm 1939; có chồng là Vi Văn V, sinh năm 1972 (đã ly hôn năm 2005); con: Có 01 con sinh năm 2001; tiền án: có 01 tiền án: Năm 2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo 12 tháng thử thách về tội Đánh bạc tại Bản án số 160/2014/HSST ngày 19/11/2014; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/7/2021 đến nay; có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1971. Địa chỉ: Đường Bông L, khu Phú L, phường Hoàng Văn T, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Lâm Văn T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 239, đường Ngô Q, phường Vĩnh T, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 12 năm 2020, bà Nguyễn Thị C thuê Vi Thị N làm giúp việc gia đình và giao cho Vi Thị N sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION màu trắng, biển kiểm soát: 12 P1- 189.58 để làm phương tiện đi lại giúp việc gia đình bà. Đầu tháng 5 năm 2021, Vi Thị N xin nghỉ vài ngày để về quê giải quyết việc cá nhân và được bà Nguyễn Thị C đồng ý cho Vi Thị N điều khiển xe mô tô HONDA VISION, biển kiểm soát: 12 P1- 189.58 đi về nhà mẹ đẻ tại Khu Đoàn K, thị trấn Đồng M, huyện Chi L, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 21 tháng 5 năm 2021 do không có tiền tiêu sài, Vi Thị N đã mang chiếc xe mô tô trên của bà Nguyễn Thị C đến gặp ông Lâm Văn T vay số tiền 8.000.000đ và để lại chiếc xe mô tô làm tin. Số tiền vay được của Lâm Văn T, Vi Thị N đã tiêu sài cá nhân hết. Bà Nguyễn Thị C gọi điện thoại cho Vi Thị N nhiều lần nhưng không liên lạc được nên bà đã trình báo Công an để giải quyết.

Tại Biên bản định giá tài sản số 78/ĐGTSTT ngày 09/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự đã kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION màu trắng, biển kiểm soát: 12 P1- 189.58 trị giá 19.600.000đ.

Tại Cáo trạng số 125/CT-VKS-HS, ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Vi Thị N về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vi Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Bị hại bà Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra đã khai: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION màu trắng, biển kiểm soát: 12 P1- 189.58 là xe của bà cho bị cáo Vi Thị N sử dụng làm phương tiện đi lại giúp việc cho gia đình bà. Đầu tháng 5 năm 2021 khi Vi Thị N xin nghỉ vài ngày về quê, bà đã đồng ý cho Vi Thị N sử dụng xe để đi lại, đến ngày 08 tháng 7 năm 2021 sau nhiều lần gọi điện nhưng không liên lạc được với Vi Thị N nên bà đã trình báo sự việc lên Công an. Ngày 28 tháng 7 năm 2021 Cơ quan Điều tra đã trả lại xe mô tô cho bà, nay bà không yêu cầu bồi thường gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, ông Lâm Văn T vắng mặt, quá trình điều tra đã khai: Do có quen biết từ trước nên ngày 21/5/2021 khi Vi Thị N đến hỏi vay tiền, ông đã cho vay số tiền là 8.000.000đ và Vi Thị N đã để lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION màu trắng, biển kiểm soát: 12 P1- 189.58 để làm tin mà không biết chiếc xe trên là tài sản do Vi Thị N phạm tội mà có. Ngày 09/7/2021 ông đã tự nguyện giao lại chiếc xe mô tô trên

cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Lạng S, nay ông không có yêu cầu gì về số tiền đã cho vay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng S, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vi Thị N phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vi Thị N từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô HONDA VISION màu trắng, biển kiểm soát: 12 P1- 189.58 cho bà Nguyễn Thị Cnên không xem xét. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Vi Thị N không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an thành phố Lạng S, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng S đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo, bị hại không có khiếu nại gì. Do vậy hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng trên đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Vi Thị N tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, do vậy có đủ căn cứ để khẳng định: Bị cáo Vi Thị N đã có hành vi lợi dụng sự tin tưởng và lòng tốt của bà Nguyễn Thị C cho bị cáo mượn sử dụng chiếc xe mô tô HONDA VISION, biển kiểm soát: 12 P1- 189.58 để đi về quê giải quyết việc cá nhân. Do không có tiền tiêu sai nên ngày 21/5/2021 bị cáo Vi Thị N đã mang chiếc xe mô tô trên đi cầm cố với anh Lâm Văn T để vay số tiền 8.000.000đ phục vụ nhu cầu tiêu sài của bản thân, sau đó không trả lại xe cho bị hại mặc dù bị hại đã tìm nhiều lần. Giá trị chiếc xe mô tô HONDA VISION, biển kiểm soát: 12 P1- 189.58 mà bị cáo Vi Thị N đã chiếm đoạt trị giá là 19.600.000đ. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Vi Thị N đã phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng S truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo Vi Thị N đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng: Tại Bản án số 160/2014/HSST ngày 19/11/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, 12 (mười hai) tháng thử thách về tội Đánh bạc và phạt tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), tuy nhiên đến nay bị cáo chưa chấp hành xong số tiền phạt của bản án số 160/2014/HSST, nên chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm, do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Vi Thị N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bản thân bị cáo cũng đã bị pháp luật giáo dục cải tạo nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, nay lại phạm tội, thể hiện bị cáo là người thiếu ý thức và coi thường pháp luật.

[6] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lâm Văn T đều không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION màu trắng, biển kiểm soát: 12 P1- 189.58, trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị C, nay Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định.

[11] Đối với ông Lâm Văn T là người nhận cầm cố xe với bị cáo, nhưng không biết chiếc xe đó là tài sản do bị cáo Vi Thị N phạm tội mà có, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật

Tổ tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[13] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vi Thị N phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vi Thị N 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 09/7/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Vi Thị N.

3. Về án phí: Bị cáo Vi Thị N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND Tp Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Công an Tp Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS Tp Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Thanh